

VỀ BẢN CHẤT CỦA QUAN HỆ QUẢN LÝ

NGUYỄN HỮU ĐẾ (*)

Quản lý xã hội là hoạt động có tổ chức của con người, gắn liền với quá trình sản xuất và là sản phẩm của xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển cụ thể của nó, gắn với sự phân chia xã hội thành giai cấp. Hoạt động quản lý xã hội mang tính hai mặt: mặt tổ chức – kỹ thuật và mặt xã hội. Hai mặt này, hai chức năng này luôn tồn tại trong quá trình thống nhất biện chứng của hệ thống quản lý. Hoạt động quản lý không chỉ mang tính tổ chức, hành chính, mà còn là hoạt động xã hội có nội dung giai cấp, chính trị – xã hội. Quan hệ quản lý luôn mang bản chất xã hội và trong xã hội có sự phân chia giai cấp, nó còn mang bản chất giai cấp.

 **h**i nói đến quản lý xã hội là nói đến quan hệ quản lý, quan hệ giữa người với người trong lĩnh vực quản lý. Việc chỉ ra bản chất của quan hệ quản lý xã hội theo quan điểm chủ nghĩa Mác sẽ tạo thành cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và phát triển lý luận về quản lý xã hội.

Qua học thuyết Mác về sự phát triển xã hội có thể thấy, cốt lõi của quan điểm triết học Mác khi phân tích các quan hệ trong lĩnh vực quản lý là giải thích bản chất xã hội của chúng. Để làm rõ hơn quan điểm này, chúng ta có thể bắt đầu từ quan điểm của C.Mác về lao động nói chung, về hoạt động quản lý nói riêng. Theo C.Mác, lao động của con người luôn có hai mặt: mặt vật chất – kỹ thuật và mặt xã hội với hai thuộc tính của lao động là lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Phù hợp với sự phân công lao động xã hội, lao động được xem xét, một mặt, như sự phân công thành các dạng lao động cụ thể nhằm thoả mãn những nhu cầu khác nhau của xã hội; mặt khác, nó là lao động xã hội khi sản phẩm do lao động riêng biệt đó tạo ra được xã hội thừa nhận. Vì thế, nếu sản phẩm của lao động không được đem ra trao đổi và không trao đổi được thì nó chỉ là lao động riêng biệt của người đó, chứ không thể trở thành lao động xã hội. Chỉ khi nào người lao động sản xuất ra sản phẩm không phải chỉ cho

mình, mà còn cho cả xã hội thì lao động đó mới có tính hai mặt mà trên cơ sở đó, hình thành nên cơ cấu giai cấp – xã hội của xã hội. Như vậy, lao động của con người luôn là việc sản xuất ra các sản phẩm khác nhau theo nhu cầu của xã hội, mà cũng đồng thời là quá trình con người tự khẳng định mình với tư cách những giai tầng khác nhau trong xã hội, khi sản phẩm của họ được xã hội thừa nhận.

Trên cơ sở phân tích về lao động, C.Mác đã chia hoạt động quản lý thành mặt tổ chức – kỹ thuật (hoạt động có tổ chức hướng đến sự phát triển của lực lượng sản xuất) và nội dung xã hội của nó. Nội dung này lại bị quy định bởi tính chất của quan hệ sản xuất, bởi hình thức sở hữu và kết cấu giai cấp của xã hội. Như vậy, quản lý xã hội biểu hiện như là hoạt động có tổ chức của con người, gắn liền với quá trình sản xuất. Sự phát triển và hoàn thiện nó phải dựa trên cơ sở nhận thức những quy luật của hiện thực khách quan. Đồng thời, chính hoạt động này của con người lại là sản phẩm của xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển cụ thể của nó mà trước hết, nó là sản phẩm của sự phân chia xã hội thành giai cấp.

Chính C.Mác đã nói về tính chất hai mặt của quản lý như sau: "Công việc giám sát và điều khiển tất nhiên phải xuất hiện

(*) Tiến sĩ triết học, Phó trưởng phòng Triết học Mác-Lênin, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

VỀ BẢN CHẤT CỦA QUAN HỆ...

một khi mà quá trình sản xuất trực tiếp đã mang hình thái một quá trình kết hợp có tính chất xã hội... Nhưng nó có một tính chất hai mặt.

- Một mặt, trong tất cả những công việc mà có nhiều người hợp tác với nhau thì mối liên hệ chung và sự thống nhất của quá trình tất phải biểu hiện ra ở trong một ý chí điều khiển và trong những chức năng không có quan hệ với những công việc bộ phận, mà quan hệ với toàn bộ hoạt động của công xưởng, cũng giống như trường hợp nhạc trưởng của một dàn nhạc vậy...

- Mặt khác,... công việc giám sát đó là cần thiết trong tất cả mọi phương thức sản xuất dựa trên sự đối lập giữa người lao động về phương diện là người sản xuất trực tiếp, với người sở hữu tư liệu sản xuất. Sự đối lập đó càng lớn, thì công việc giám sát đó lại càng đóng một vai trò quan trọng"(1).

Trong hoạt động quản lý xã hội, hai mặt đó luôn có sự thống nhất với nhau và chỉ trên cơ sở đó, xã hội mới duy trì được sự phát triển một cách ổn định. Tất nhiên, khi nói về hai mặt của lao động, chúng ta cần phải hiểu là, C.Mác đã phân tích chúng trong hình thái kinh tế – xã hội tư bản chủ nghĩa và cũng từ đó, ông đã vạch ra bản chất bóc lột người lao động của giai cấp tư sản, mà nguồn gốc của sự bóc lột đó là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất. Từ đó, chúng ta có thể thấy, mặt tổ chức – kỹ thuật của quản lý hoàn thành chức năng chung của quản lý và bản thân chức năng này cũng bị quy định bởi tính chất phối hợp về mặt xã hội của lao động; còn mặt xã hội thì được thể hiện ở chỗ, nó hoàn thành chức năng xã hội đặc biệt (sự cưỡng chế, giám sát, kiểm tra, thuyết phục, v.v.) và có nguồn gốc từ sự phân chia xã hội thành giai cấp. Hai mặt này luôn tồn tại trong quá trình thống nhất biện chứng của hệ thống quản lý. Hoạt động của con người chỉ có thể tồn tại dưới một hình thức tổ chức nào đó và vì thế, xã hội, xét trong tổng thể, biểu hiện ra

như là hệ thống được tổ chức. Chính tổ chức xã hội này quy định quản lý phải như một cơ chế phối hợp, kết hợp, điều chỉnh các mối liên hệ, quan hệ giữa các yếu tố cấu thành nên tổ chức đó. Đồng thời, nội dung xã hội của hoạt động con người lại bị quy định bởi các quan hệ xã hội mà trước hết, là các quan hệ sản xuất.

Nếu quản lý xã hội xét như một dạng hoạt động xã hội được hình thành trong tiến trình phân công lao động xã hội thì nó được thể hiện như là chức năng của một người hoặc một nhóm người chuyên biệt. Trong chủ nghĩa tư bản, chức năng này thường thuộc về người sở hữu tư liệu sản xuất, thuộc về nhà tư bản, mà chính chế độ sở hữu tư nhân này là nguồn gốc của quyền lực nhằm bảo vệ lợi ích của người sở hữu. Vì thế, giai cấp tư sản thường sử dụng quyền lực này không chỉ với mục đích tổ chức sản xuất, mà còn với mục đích ngày càng thu được nhiều lợi nhuận. C.Mác đã nhận xét rằng, "không phải vì nhà tư bản lãnh đạo công nghiệp mà hán trở thành nhà tư bản. Trái lại hán trở thành nhà lãnh đạo công nghiệp chỉ vì hán là nhà tư bản"(2). Từ đó, chúng ta thấy rằng, công việc quản lý không phải là đặc quyền của giai cấp nào, mà chính giai cấp nào sở hữu tư liệu sản xuất thì giai cấp đó trở thành người quản lý, người lãnh đạo xã hội thông qua những đại biểu ưu tú của mình.

Qua quan điểm của C.Mác về lao động và quản lý, chúng ta có thể khẳng định rằng, chủ nghĩa Mác xem xét vấn đề quản lý không đơn giản như một quá trình thao tác thuần tuý, hoặc lao động quản lý chỉ mang tính tổ chức, hành chính, mà trước hết như là hoạt động xã hội có nội dung giai cấp, chính trị - xã hội. Nếu tách các quan hệ quản lý khỏi nguồn gốc giai cấp trong xã hội sẽ dẫn đến việc tuyệt đối hoà

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.25, ph.I. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.586 – 587.
(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.23, tr.483.

mặt tổ chức – kỹ thuật của quản lý, dẫn đến quan niệm sai lầm rằng, nhiệm vụ của quản lý xã hội là sản xuất ra cấu trúc của quan hệ thống trị trong xã hội; rằng chủ nghĩa tư bản sẽ tồn tại vĩnh viễn, vì nó luôn hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức – kỹ thuật của quản lý dựa trên những thành quả do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – kỹ thuật đem lại.

Chủ nghĩa Mác còn xem xét bản chất của quản lý trong mối liên hệ không tách rời với vai trò và hoạt động của giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, quyền lực xã hội luôn thuộc về giai cấp thống trị về kinh tế. Giai cấp thống trị tổ chức ra nhà nước của mình như một công cụ nhằm điều hoà các lợi ích giai cấp, giữ cho sự xung đột giữa các lợi ích giai cấp không di đến chỗ loại trừ nhau. Khi nói về nguồn gốc ra đời của nhà nước, Ph.Ăngghen đã khẳng định rằng, sự ra đời của nhà nước gắn liền với sự xuất hiện giai cấp và sự đối lập về lợi ích giữa các giai cấp đối lập nhau trong xã hội. Vì thế, để “cho những mặt đối lập đó, những giai cấp có quyền lợi kinh tế mâu thuẫn nhau đó, không di đến chỗ tiêu diệt lẫn nhau và tiêu diệt luôn cả xã hội trong một cuộc đấu tranh vô ích, thì cần phải có một lực lượng cần thiết, một lực lượng rõ ràng là đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng “trật tự”. Và lực lượng đó, nảy sinh ra từ xã hội, nhưng lại đứng trên xã hội và ngày càng tách ra khỏi xã hội, chính là nhà nước”(3).

Như vậy, có thể nói, chủ nghĩa Mác, một mặt, phê phán nhà nước của các giai cấp bóc lột, vì nó nhằm duy trì quan hệ bóc lột; mặt khác, không bao giờ phủ nhận vai trò của nhà nước trong việc tổ chức, quản lý sự phát triển xã hội. Bởi lẽ, nhà nước, từ khi xuất hiện, luôn là bộ phận quan trọng nhất của tổ chức xã hội; nó không đồng nhất với xã hội. Nhà nước với tư cách tổ chức quyền lực sẽ tự tiêu vong khi xã hội không còn phân chia thành giai cấp; nhưng với tư

cách tổ chức quản lý, nó sẽ tồn tại mãi, gắn liền với lịch sử phát triển của loài người. Từ đó, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác thì nhà nước chỉ là cơ quan quản lý riêng biệt của xã hội có giai cấp. Trong xã hội dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thì quản lý nhà nước bảo đảm cho quan hệ bóc lột tồn tại. Nhà nước thực hiện chức năng chung của quản lý nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị. Đó cũng chính là bản chất giai cấp của quản lý xã hội trong xã hội có giai cấp đối kháng, mặc dù nhìn từ bề ngoài, nhà nước như là một tổ chức đứng trên mọi lợi ích của cá nhân, như là biểu hiện lợi ích chung của toàn thể xã hội. Ngoài ra, nhà nước, dù là của giai cấp bóc lột, vẫn phải thể hiện chức năng xã hội của nó là phải bảo đảm được sự kết hợp giữa các lợi ích cá nhân, tập thể và toàn xã hội. Chỉ có như vậy, giai cấp thống trị mới duy trì được tính ổn định cho sự phát triển xã hội. Điều đó có nghĩa là chức năng giai cấp của nhà nước chỉ có thể được thực hiện thông qua chức năng xã hội của nó. Đúng như Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Ở khắp nơi, chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị, và sự thống trị chính trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội đó của nó”(4).

Như vậy, giữa chính trị và quản lý có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng không đồng nhất. Do đó, không nên đồng nhất hoạt động quản lý với hoạt động chính trị. Cũng không nên đồng nhất chức năng tổ chức và chức năng xã hội của nhà nước với chức năng chính trị của nó. Mọi tổ chức xã hội cũng như hệ thống chính trị bao gồm cơ chế quyền lực và quản lý đều tồn tại trong môi trường xã hội, nghĩa là tồn tại trong một cấu trúc của xã hội, trong tổng hòa những mối liên hệ xã hội. Vì thế, C.Mác cho rằng, nhà nước cần tìm nguyên nhân

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.21, tr.252 - 253.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.20, tr.253.

VỀ BẢN CHẤT CỦA QUAN HỆ...

làm cho xã hội kém phát triển là ở xã hội công dân chứ không phải ở sự thiếu sót của tổ chức hành chính(5). Rõ ràng, quản lý luôn phụ thuộc vào chính trị. Từ đó, chúng ta thấy rằng, thậm chí nó còn là hoạt động phục vụ cho chính trị, khi quản lý dựa trên quan điểm chính trị để đặt ra mục đích cuối cùng của mình. Tính hiệu quả của quản lý luôn phụ thuộc vào những mục đích đó, phụ thuộc vào nhiệm vụ mà nó phải hướng tới để hoàn thành.

Như vậy, quan hệ quản lý luôn mang bản chất xã hội và trong xã hội phân chia thành giai cấp thì nó mang bản chất giai cấp. Vì thế, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, trong mỗi xã hội khác nhau có những loại hình quản lý khác nhau. Và, trong xã hội có giai cấp, các loại hình quản lý đều mang tính giai cấp, mà công cụ chủ yếu để quản lý xã hội là nhà nước. Các loại hình quản lý cùng với sự phát triển của xã hội sẽ ngày càng phức tạp hơn. Trong những xã hội trước chủ nghĩa tư bản, sự quản lý xã hội còn mang tính giản đơn, dựa trên sự hợp tác lao động giản đơn. Còn trong chủ nghĩa tư bản, tính chất xã hội của lao động và sản xuất đã quy định quản lý như là loại lao động đặc thù. Hơn nữa, trong phạm vi toàn xã hội, cơ chế điều chỉnh của xã hội tư bản là sự kết hợp giữa sức mạnh tự phát của thị trường với việc sử dụng rộng rãi cơ chế quản lý tự giác. Tuy nhiên, hiệu quả của việc sử dụng cơ chế quản lý tự giác trong chủ nghĩa tư bản, theo C.Mác, đạt được không cao. Còn trong chủ nghĩa xã hội, quản lý xã hội là quá trình quản lý tự giác. Nếu trong các hình thái xã hội trước chủ nghĩa xã hội, quản lý tự giác chỉ giới hạn ở những phạm vi và những lĩnh vực riêng lẻ, thì trong chủ nghĩa xã hội, khách thể quản lý là xã hội trong tổng thể và nó được quản lý một cách khoa học trên phạm vi toàn xã hội. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong chủ nghĩa xã hội, con người sẽ can thiệp một cách tuỳ tiện vào quá trình xã hội, mà bị quy định bởi những

diều kiện và những quy luật phát triển khách quan của xã hội. Sự phát triển của xã hội được thực hiện như là sự tác động biện chứng giữa nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan. Nếu hoạt động chủ quan của con người phù hợp với những quy luật khách quan của quá trình xã hội thì có thể rút ngắn quá trình phát triển xã hội, và ngược lại, không phù hợp thì sẽ kìm hãm, cản trở sự phát triển đó.

Quản lý xã hội là hoạt động chủ quan của con người hướng tới quá trình khách quan, dựa trên sự nhận thức và vận dụng những quy luật khách quan. Từ đó, chủ nghĩa Mác cho rằng, quản lý thể hiện như là yếu tố, như là lĩnh vực tác động của nhân tố chủ quan trong lịch sử. Vì thế, cơ chế quản lý đó là tự giác và có tính hướng đích. Điều đó có nghĩa là, hoạt động của con người hướng đến việc duy trì và phát triển các quan hệ xã hội có sự phù hợp với mục đích đã đặt ra trên cơ sở nhận thức những quy luật khách quan.

Như vậy, theo tiến trình lịch sử thì cơ chế quản lý tự giác trong đời sống xã hội ngày càng tăng lên. Cơ sở lý luận của nó, như chủ nghĩa Mác đã khẳng định, là sự tăng lên của vai trò nhân tố chủ quan trong lịch sử. Đến chủ nghĩa xã hội, quản lý xã hội đã trở thành công cụ hùng mạnh cho sự phát triển nhanh chóng của toàn bộ đời sống xã hội.

Toàn bộ sự phân tích trên cho thấy, khi đề cập đến vấn đề quản lý, chủ nghĩa Mác luôn gắn liền quan hệ quản lý với quan hệ xã hội để trên cơ sở đó, vạch ra bản chất xã hội, bản chất giai cấp của quan hệ quản lý. Từ đó, chủ nghĩa Mác khẳng định rằng, tương ứng với mỗi một chế độ xã hội trong xã hội có giai cấp là một hệ thống quản lý tương ứng và hệ thống này luôn bao đảm chức năng giai cấp và chức năng xã hội của mình. □

(5) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.1, tr.540 - 550.